

NGHIÊN CỨU TIỀM NĂNG ĐẤT ĐAI ĐỂ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM CHỦ LỰC - TRƯỜNG HỢP VÀI CHÍN SỚM TẠI THỊ XÃ ĐÔNG TRIỀU, TỈNH QUẢNG NINH

Trần Xuân Biên¹, Nguyễn Ngọc Hồng², Lưu Thùy Dương²

¹Phân hiệu Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội tại tỉnh Thanh Hóa

²Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội

Tóm tắt

Đã nhiều năm nay, thị xã Đông Triều được nhiều người trong và ngoài nước biết đến với thương hiệu vải thiều Đông Triều thơm ngon, bổ mát. Gần đây, trên vùng đất Đông Triều còn có sản phẩm chất lượng cao đó là vải chín sớm Bình Khê. Bài báo sử dụng phương pháp thu thập số liệu sơ cấp và thứ cấp, từ đó xử lý, đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp. Hiện tại, với khoảng 74,1 ha trồng vải chín sớm đã được kiểm chứng về hiệu quả mà sản phẩm này mang lại. Tuy nhiên, để có cơ sở khoa học nhằm xác định tiềm năng đất đai làm cơ sở nhân rộng phát triển sản phẩm, nghiên cứu đã điều tra, khảo sát trong phạm vi 8 xã (Tràng An, Bình Khê, Tràng Luong, Bình Dương, Thủy An, Yên Thọ, Yên Đức, Hồng Thái Tây) đang được sản xuất sản phẩm vải chín sớm. Từ 6 yếu tố đơn tính (loại đất, địa hình, thành phần cơ giới, độ dày tầng đất, chế độ tưới, chế độ tiêu) cùng với yêu cầu sinh trưởng của sản phẩm vải chín sớm kết quả đã xác định được 45 đơn vị đất đai và hạng thích hợp ở 3 mức S1 (46,96 ha), S2 (615,74 ha), S3 (392,42 ha) trên toàn thị xã Đông Triều làm cơ sở để đề xuất diện tích trồng vải chín sớm đến năm 2030 là 424,4 ha.

Từ khóa: Đơn vị đất đai; Vải chín sớm; Đông Triều.

Abstract

Research on land potential to develop main products - A case of early-ripe lychee in Dong Trieu commune, Quang Ninh province

For many years, Dong Trieu town has been well known by many domestic and foreign people with the trademark of Dong Trieu lychee. Recently, in Dong Trieu area, there is also a high quality product which is the early ripening lychee of Binh Khe. This research collected primary and secondary data. The collected data were then processed to evaluate the efficiency of agricultural land use. Currently, about 74.1 ha of early-ripe lychee planting has shown the economic effectiveness of this product. However, in order to have scientific basis to identify land potential for lychee production development, a survey was conducted within 8 communes (Trang An, Binh Khe, Trang Luong, Binh Duong, Thuy An, Yen Tho, Yen Duc, Hong Thai Tay) which are producing early-ripe lychee. From the data of 6 factors including soil type, topography, mechanical composition, soil layer thickness, irrigation regime and pepper regime; together with the growth requirements of early-ripe lychee, the research identified 45 suitable land units and class at 3 levels S1 (46.96 ha), S2 (615.74 ha), S3 (392.42 ha) across Dong Trieu town. It is also suggested that the area of planting early-ripe lychee should reach 424.4 ha by 2030.

Key words: Land unit; Early-ripe lychee; Dong Trieu

1. Đặt vấn đề

Nhằm góp phần thực hiện chương trình mỗi xã một sản phẩm giai đoạn 2018 - 2020 (OCOP) đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 490/QĐ-TTg ngày 7 tháng 5 năm 2018, theo đó Chương trình OCOP là chương trình phát triển kinh tế khu vực nông thôn theo hướng phát triển nội lực và gia tăng giá trị; là giải pháp, nhiệm vụ trong triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới.

Với những lợi thế về địa hình, thổ nhưỡng, khí hậu thị xã Đông Triều được biết đến là địa phương trọng điểm nông nghiệp của tỉnh, trong đó cây vải được coi là loại cây ăn quả ưu thế. Tuy nhiên, trong những năm gần đây diện tích trồng vải thiều (trên 1.100 ha) có xu hướng giảm rõ rệt (trung bình mỗi năm giảm 65 ha) do giá thành sản phẩm không ổn định và không cao bằng một số sản phẩm nông nghiệp khác tại địa phương như Na, Cam, Nhãn,... Nguyên nhân chủ yếu là do thời vụ của giống vải này chủ yếu tập trung trong tháng 6, thời gian thu hoạch ngắn lại tập trung vào cùng thời điểm với sản lượng lớn, trong khi chưa có phương pháp bảo quản hiệu quả đã làm cho giá vải thiều giảm mạnh. Thực trạng này đã gây không ít khó khăn cho hầu hết những người trồng vải, dẫn đến tình trạng người nông dân tự chặt phá vải để chuyển đổi sang trồng một số loại cây khác cho hiệu quả kinh tế cao hơn [5].

Hiện nay bằng kinh nghiệm, một số hộ gia đình đã chuyển đổi sang giống vải chín sớm (điển hình tại xã Bình Khê) để tránh cạnh tranh về giá cả với giống vải truyền thống. Vải chín sớm chứng minh được có khả năng đem lại hiệu quả kinh tế cao (vải chín sớm có đặc tính chín sớm hơn vải thiều Thanh Hà từ 20 - 30 ngày).

Tuy vậy việc nhân rộng vùng trồng giống vải chín sớm để mang lại thu nhập ổn định cho người nông dân vẫn còn manh mún mang tính tự phát. Do đó, việc nghiên cứu tiềm năng đất đai bằng công nghệ GIS để đưa ra các cơ sở khoa học nhằm phát triển giống vải chín sớm thành vùng sản xuất hàng hóa tại các xã/phường trên địa bàn thị xã là cần thiết.

2. Phương pháp nghiên cứu

- Nghiên cứu đã thu thập các số liệu và tài liệu thứ cấp về hiệu quả trồng vải tại 08/21 xã, phường của thị xã Đông Triều. Các bản đồ về thổ nhưỡng, địa hình, thành phần cơ giới, độ dày tầng đất, chế độ tưới, chế độ tiêu, hiện trạng sử dụng đất tỷ lệ 1/25.000.

- Phương pháp thu thập số liệu sơ cấp: điều tra 50 hộ trồng vải có độ tuổi của cây từ 8 - 10 năm tuổi (30 hộ trồng vải truyền thống; 20 hộ trồng vải chín sớm) bằng mẫu phiếu điều tra theo TCVN 8409: 2011; Giá sản phẩm vải thiều năm 2018, diện tích, năng suất, sản lượng.

- Phương pháp xử lý số liệu: Các số liệu thu thập được tổng hợp bằng Microsoft Excel; So sánh nhận định về hiệu quả giữa sản phẩm vải truyền thống và vải chín sớm. Bản đồ được xử lý bằng phần mềm ArcView 10.3 để chuẩn hóa, biên tập, chồng xếp và thành lập bản đồ đơn vị đất đai từ 06 bản đồ đơn tính. Đối chiếu với yêu cầu sử dụng đất, đặc tính sinh trưởng của cây vải chín sớm với các đơn vị đất đai để phân hạng thích hợp đất theo FAO với 4 hạng: S1 (rất thích hợp), S2 (thích hợp), S3 (ít thích hợp), N (không thích hợp).

- Phương pháp đánh giá hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp theo 3 tiêu chí: hiệu quả kinh tế, hiệu quả xã hội và hiệu quả môi trường theo Quy trình đánh giá sản

Nghiên cứu

xuất nông nghiệp phục vụ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện, TCVN 8409:2011 [1].

- Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp đánh giá thích hợp đất đai về điều kiện tự nhiên theo FAO (1976), kinh tế - xã hội và môi trường (FAO, 2007).

3. Kết quả nghiên cứu

3.1. Thực trạng sử dụng đất trồng vải tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

3.1.1. Hiện trạng sử dụng đất trồng vải tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Theo kết quả điều tra hiện nay trên địa bàn thị xã Đông Triều diện tích trồng vải là 1.140,4 ha. Trong đó diện tích trồng vải tại 8 xã điều tra là 686,9 ha (vải truyền thống là 612,8 ha; diện tích trồng vải chín sớm là 74,1 ha). Sản lượng vải năm 2018 đạt 18.835,6 tấn (vải truyền thống là 17.798,3 tấn; vải chín sớm 1.037,3 tấn) [6].

Bảng 1. Hiện trạng sản xuất vải tại thị xã Đông Triều năm 2018

TT	Đơn vị hành chính	Vải truyền thống			Vải chín sớm		
		Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)	Diện tích (ha)	Năng suất (tấn/ha)	Sản lượng (tấn)
1	Tràng An	31,0	15,5	480,5	4,5	12,5	56,3
2	Bình Khê	305,7	16,7	5.105,2	35,7	14,6	521,2
3	Tràng Lương	103,7	15,7	1.628,1	21,2	13,8	292,6
4	Nguyễn Huệ	32,2	15,2	489,4	2,2	13,2	29,0
5	Thủy An	37,9	14,5	549,6	3,5	13,3	46,6
6	Yên Thọ	12,8	14,8	189,4	1,5	12,8	19,2
7	Yên Đức	15,0	15,1	226,5	1,7	12,9	21,9
8	Hồng Thái Tây	74,5	14,9	1.110,1	3,8	13,3	50,5
9	Địa phương khác	527,6	15,2	8019,5	0	0	0
Tổng cộng		1.140,4	15,3	17.798,3	74,1	13,3	1.037,3

Nguồn: Ủy ban nhân dân thị xã Đông Triều (2018)

3.1.2. Hiệu quả sử dụng đất trồng vải tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

a. Hiệu quả kinh tế

Theo kết quả điều tra tại mùa vải năm 2018 giá bán trung bình của vải truyền thống là 10.500 đồng/kg; vải chín sớm trung bình đạt 28.000 đồng/kg. Hiệu quả kinh tế của 02 sản phẩm như sau:

Bảng 2. Hiệu quả kinh tế của sản phẩm vải thiều tại thị xã Đông Triều

TT	Sản phẩm	GTSX (1000đ)	CPTG (1000đ)	LĐ (công)	GTGT (1000đ)	Hiệu quả đồng vốn
1	Vải truyền thống	160.650	46.280	480	114.370	2,5
2	Vải chín sớm	372.400	82.350	690	290.050	3,5

Chú thích: Giá trị sản xuất (GTSX), Chi phí trung gian (CPTG), Lao động (LĐ), Giá trị gia tăng (GTGT)

Nguồn: Kết quả điều tra (2018)

Kết quả điều tra cho thấy GTSX/ha của vải chín sớm cao hơn so với giống vải truyền thống là 2,3 lần; GTGT/ha của vải chín sớm cao hơn so với giống vải truyền thống 2,5 lần. Hiệu quả đồng vốn của vải chín sớm đạt 3,5 lần; vải truyền thống đạt 2,5 lần.

b. Hiệu quả xã hội

Hiệu quả xã hội của 02 sản phẩm cho thấy sản phẩm vải chín sớm và vải truyền thống đều mang lại thu nhập/ngày công lao động cao (vải chín sớm cho GTGT/LĐ là 420.400 đồng/ngày công lao động; vải

truyền thống là 238.300 đồng/ngày công lao động). Khả năng tiêu thụ sản phẩm này trên thị trường là dễ dàng, các hộ gia đình có thể bán sản phẩm ngay tại vườn cho thương lái.

Chính điều đó đã tạo cơ hội quảng bá thương hiệu sản phẩm của địa phương ra thị trường khác ngoài thị xã. Hiệu quả xã hội mà sản phẩm vải chín sớm mang lại là rất cao.

Bảng 3. Hiệu quả xã hội của sản phẩm vải thiều tại thị xã Đông Triều

TT	Sản phẩm	Chỉ tiêu định lượng		Chỉ tiêu định tính
		LĐ/ha (công)	GTGT/LĐ (1.000 đ)	
1	Vải truyền thống	480	238,3	Phù hợp với tập quán thâm canh của hộ gia đình; thu nhập ổn định; thị trường tiêu thụ sản phẩm dễ dàng; có sự cạnh tranh;
2	Vải chín sớm	690	420,4	Vốn đầu tư vào tương đối lớn, tạo ra được sản phẩm hàng hóa chất lượng cao. Thị trường tiêu thụ ổn định, thu nhập cao, thu hút và tạo được việc làm.

Nguồn: Kết quả điều tra (2018)

c. Hiệu quả môi trường

- Góp phần làm tăng hệ số sử dụng đất; duy trì được chất lượng đất; tăng độ che phủ của đất; hạn chế được xói mòn, rửa trôi.

- Cải tạo môi trường sinh thái, điều hòa khí hậu.

3.2. Đánh giá tiềm năng đất trồng vải chín sớm tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

3.2.1. Kết quả xây dựng bản đồ đơn vị đất đai

Bản đồ đơn vị đất đai của thị xã Đông Triều được thực hiện dựa vào 06 yếu tố cụ thể như sau:

Bảng 4. Các yếu tố xây dựng bản đồ đơn vị đất đai

Nhóm yếu tố	Yếu tố	Ký hiệu
I. Yếu tố thổ nhưỡng	1. Loại đất	So
	2. Thành phần cơ giới	Te
	3. Độ dày tầng đất	Sd
II. Yếu tố địa hình	4. Địa hình tương đối	To
III. Yếu tố canh tác	5. Khả năng tưới	Ir
	6. Khả năng tiêu	Dr

Từ dữ liệu điều tra, kết hợp với xử lý các thông tin trên bản đồ nghiên cứu đã đưa ra được kết quả thống kê các yếu tố sau:

Bảng 5. Kết quả tổng hợp các yếu tố đơn tính

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Phân cấp	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1	Loại đất (So)	1	Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước	Fl	813,69	2,97
		2	Đất nâu vàng trên phù sa cổ	Fp	610,74	2,23
		3	Đất vàng nhạt trên đá cát	Fq	19.572,81	71,53
		4	Đất phù sa được bồi chua	Pbc	46,96	0,17
		5	Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng	Pf	4.244,26	15,51
		6	Đất phù sa glây	Pg	1.150,01	4,20
		7	Đất phèn hoạt động sâu mặn	Sj2M	525,35	1,92
		8	Đất xám trên phù sa cổ	X	156,69	0,57
		9	Đất xám glây	Xg	242,11	0,88

Nghiên cứu

2	TPCG (Te)	1	Cát	a	-	
		2	Cát pha	b	412,52	1,51
		3	Thịt nhẹ	c	21.013,43	76,80
		4	Thịt trung bình	d	5.936,67	21,70
		5	Thịt nặng	e	-	-
3	Độ dày (Sd)	1	Rất dày (>100 cm)	D1	7.553,32	27,60
		2	Dày (70 - 100 cm)	D2	270,63	0,99
		3	Trung bình (50 - 70 cm)	D3	19.538,67	71,41
		4	Mỏng (< 50 cm)	D4	-	-
4	Địa hình (To)	1	Cao	To1	18.689,71	68,30
		2	Và cao	To2	7.089,84	25,91
		3	Và	To3	1.528,53	5,59
		4	Và thấp	To4	54,54	0,20
		5	Thấp trũng	To5	-	-
5	Chế độ tưới (Ir)	1	Tưới chủ động	Ir1	7.828,51	28,61
		2	Tưới bán chủ động	Ir2	3.093,60	11,31
		3	Tưới khó khăn	Ir3	16.440,51	60,08
		4	Không được tưới	Ir4	0,00	0,00
6	Chế độ tiêu (Dr)	1	Chủ động	Dr1	27.314,96	99,83
		2	Bán chủ động	Dr2	47,66	0,17
		3	Tiêu khó khăn	Dr3	-	-
		4	Không tiêu được úng	Dr4	-	-

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu điều tra (2018)

Để thành lập bản đồ đơn vị đất đai cho thị xã Đông Triều, nghiên cứu đã tiến hành chồng ghép các bản đồ đơn tính đã được xây dựng và kết quả đã thu được 45 đơn vị bản đồ đất đai trong tổng số 27.362,62 ha diện tích đất nghiên cứu. Số liệu thuộc tính thu được nêu trên được lưu ở phần mềm ArcView 10.3.

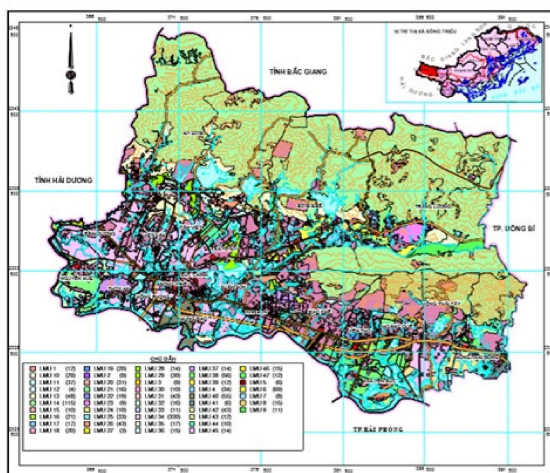
Bảng 6. Đặc điểm và tính chất các đơn vị đất đai

Tổ hợp đất	Đặc tính đất						ĐVĐĐ	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
	So	To	Te	Sd	Ir	Dr			
Đất đỏ vàng biến đổi do trồng lúa nước	1	1	3	1	1	1	1	27,05	0,10
	1	2	3	1	1	1	2	478,29	1,75
	1	1	3	2	1	1	3	11,15	0,04
	1	1	3	3	1	1	4	33,87	0,12
	1	3	3	3	1	1	5	17,39	0,06
	1	2	3	2	1	1	6	58,27	0,21
	1	2	4	1	1	1	7	154,81	0,57
	1	2	3	1	2	1	8	32,86	0,12
Đất nâu vàng trên phù sa cổ	2	2	3	1	1	1	9	275,57	1,01
	2	2	4	1	1	1	10	335,17	1,22
Đất vàng nhạt trên đá cát	3	1	3	1	1	1	11	196,48	0,72
	3	1	3	3	1	1	12	243,01	0,89
	3	1	3	3	2	1	13	1.239,36	4,53
	3	1	3	3	3	1	14	16.399,06	59,93
	3	3	3	1	1	1	15	71,45	0,26
	3	2	3	1	1	1	16	161,68	0,59
	3	2	3	1	2	1	17	83,33	0,30
	3	2	3	3	1	1	18	77,94	0,28
	3	2	3	3	2	1	19	737,61	2,70
	3	2	4	1	2	1	20	72,57	0,27
	3	2	4	2	2	1	21	201,21	0,74
	3	2	4	3	2	2	22	47,66	0,17

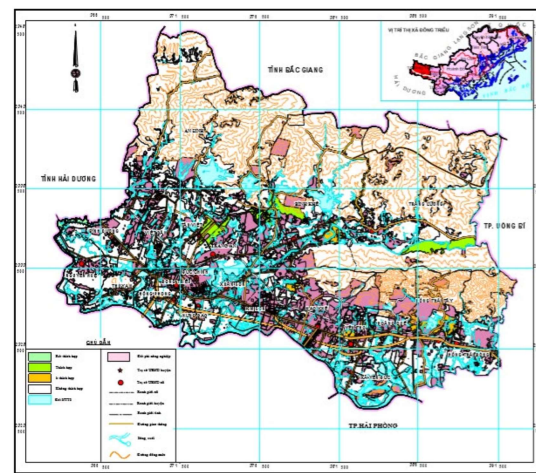
	3	1	3	1	3	1	23	41,45	0,15
Đất phù sa được bồi chua	4	2	4	1	1	1	24	46,96	0,17
Đất phù sa có tầng loang lỗ đỏ vàng	5	1	3	3	1	1	25	177,55	0,65
	5	1	4	1	1	1	26	228,07	0,83
	5	1	4	1	2	1	27	92,66	0,34
	5	3	3	3	1	1	28	124,60	0,46
	5	3	4	1	1	1	29	242,00	0,88
	5	3	4	1	2	1	30	43,18	0,16
	5	2	3	1	1	1	31	62,92	0,23
	5	2	3	3	1	1	32	40,71	0,15
	5	2	3	3	2	1	33	265,28	0,97
	5	2	4	1	1	1	34	2.689,41	9,83
	5	2	4	1	2	1	35	277,88	1,02
Đất phù sa gây	6	3	4	1	1	1	36	668,38	2,44
	6	2	3	3	1	1	37	60,99	0,22
	6	2	4	1	1	1	38	420,64	1,54
Đất phèn hoạt động sâu mặn	7	3	4	1	1	1	39	361,53	1,32
	7	2	2	1	1	1	40	109,28	0,40
	7	4	4	1	1	1	41	54,54	0,20
Đất xám trên phù sa cổ	8	2	2	1	1	1	42	156,69	0,57
Đất xám gây	9	2	2	1	1	1	43	146,55	0,54
	9	2	3	1	1	1	44	21,92	0,08
	9	2	3	3	1	1	45	73,64	0,27
Tổng diện tích điều tra								27.362,62	100
Tổng diện tích không điều tra								12.295,73	
Tổng diện tích tự nhiên								39.658,35	

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu điều tra (2018)

Như vậy có thể thấy rằng, số lượng đơn vị đất đai (ĐVĐĐ) của thị xã là khá lớn, điều này chứng tỏ các đặc tính đất đai là khá phức tạp và ít đồng nhất. Diện tích của mỗi đơn vị đất cũng có sự chênh lệch rất lớn, đơn vị đất có diện tích nhỏ nhất là đơn vị đất số 3 với 11,15 ha và đơn vị đất có diện tích lớn nhất là đơn vị đất số 14 với 16.399,06 ha.



Hình 1: Sơ đồ đơn vị đất đai thị xã Đông Triều



Hình 2: Sơ đồ phân hạng thích hợp cho cây vãi chín sớm

Nghiên cứu

3.2.2. Đánh giá mức độ thích hợp đất đai cho sản phẩm vải chín sớm

a. Yêu cầu về sử dụng đất đai của sản phẩm vải chín sớm

- Nhiệt độ: Vải chín sớm có yêu cầu đặc biệt với nhiệt độ. Trong năm phải có thời gian nhiệt độ hạ thấp, tạo điều kiện ức chế chồi mùa đông, làm cho cành thu sung sức, tích lũy được nhiều dinh dưỡng giúp xúc tiến quá trình phân hóa mầm hoa. Vùng có nhiệt độ bình quân năm từ 21 - 25°C vải phát triển tốt [4].

- Đất: Cây vải chín sớm có tính thích nghi cao với nhiều loại đất khác nhau. Ở các loại đất như đất đỏ, đất vàng, đất xám, đất phù sa và đất thịt nặng cây vải chín sớm đều phát triển được và cho năng suất. Loại đất thích hợp nhất cho cây vải là đất phù sa có tầng canh tác dày, thoát nước tốt. Vùng đất trũng cũng có thể trồng được vải, nhưng phải làm luống cao, có rãnh thoát nước. Theo Trần Thế Tục (2004) [4] yếu tố hạn chế vùng trồng vải chín sớm không phải là loại đất mà chủ yếu là thời tiết khí hậu. Trong đó, hai yếu tố quan trọng nhất là nhiệt độ thấp, lượng mưa ít vào tháng 12

và tháng 1 để cây phân hóa mầm hoa.

b. Đánh giá mức thích hợp đất đai cho sản phẩm vải chín sớm

Sản phẩm vải chín sớm hiện nay chưa được nhân rộng tại thị xã Đông Triều, để có các căn cứ khoa học và đưa ra những vị trí thích hợp nghiên cứu đã thiết lập các yêu cầu như sau: (1) các yêu cầu sinh trưởng hoặc sinh thái của cây trồng; (2) các yêu cầu về quản lý; (3) các yêu cầu về bảo vệ. Yêu cầu sử dụng đất đai được cụ thể hóa bằng hình thức của chất lượng đất đai. Sau đó, yêu cầu sử dụng đất đai sẽ được so sánh với chất lượng đất đai để xác định khả năng thích nghi của một đơn vị đất đai riêng biệt cho các loại hình sử dụng đất đai.

Theo hướng dẫn của FAO thì yêu cầu sử dụng đất đai được xác định theo hướng mức độ thích hợp từ cao đến thấp: S1: Rất thích hợp; S2: Thích hợp trung bình; S3: Ít thích hợp; N: Không thích hợp. Từ các luận điểm trình bày trên đây, trong điều kiện cụ thể của thị xã Đông Triều, nhóm tác giả xác định và phân cấp các yêu cầu sử dụng đất của các loại hình sử dụng đất như sau:

Bảng 7. Yêu cầu về sử dụng đất đai của sản phẩm vải chín sớm

Yếu tố	Phân hạng thích nghi			
	S1	S2	S3	N
Loại đất	Pbc	Fp, X	Fq	Các đất khác
Địa hình	Vàn	Vàn	Vàn cao	Cao, thấp trũng
Độ dày tầng đất (cm)	> 100	> 70 - 100	> 50 - 70	< 50
Thành phần cơ giới	d	c	b	a, e
Nhiệt độ trung bình (°C)	> 25	> 22 - 25	> 20 - 22	< 20
Khả năng tưới	Chủ động	Bán chủ động	Khó khăn	Không được tưới

Cây vải có tính thích nghi cao với nhiều loại đất khác nhau. Ở các loại đất như đất đỏ, đất vàng, đất cát pha, đất phù sa và đất thịt nặng cây vải đều phát triển được và cho năng suất. Loại đất

thích hợp nhất cho cây vải là đất phù sa có tầng canh tác dày, thoát nước tốt. Vùng đất trũng cũng có thể trồng được vải, nhưng phải làm luống cao, có rãnh thoát nước.

Bảng 8. Diện tích thích hợp theo đơn vị hành chính cho sản phẩm vải chín sớm

TT	Tên xã	Vải chín sớm				
		S1	S2	S3	N	Tổng
1	Hồng Thái Đông			3,19	1.380,23	1.383,42
2	Hồng Thái Tây			187,23	1.013,80	1.201,03
3	Hoàng Quế			12,69	757,94	770,63
4	Yên Đức				322,72	322,72
5	Yên Thọ			60,81	304,84	365,65
6	Mạo Khê			27,55	639,26	666,81
7	Kim Sơn	2,07			334,76	336,83
8	Xuân Sơn				241,91	241,91
9	Hung Đạo				479,16	479,16
10	Đông Triều				3,47	3,47
11	Hồng Phong				358,72	358,72
12	Đức Chính		14,08		228,85	242,93
13	Tràng An		103,46		222,74	326,20
14	Thủy An				496,19	496,19
15	Nguyễn Huệ				742,87	742,87
16	Tân Việt		36,55		252,36	288,91
17	Việt Dân				340,85	340,85
18	Bình Dương	44,89			499,07	543,96
19	An Sinh		2,60		6.995,30	6.997,90
20	Bình Khê		213,37	91,47	3.603,88	3.908,72
21	Tràng Lương		245,68	9,48	7.088,58	7.343,74
	Tổng	46,96	615,74	392,42	26.307,50	27.362,62

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu (2018)

Từ kết quả phân hạng ở bảng 8, hình 2 cho thấy các đơn vị đất đai phân bố trên địa hình vùn cao (thuộc đất phù sa được bồi chua) thích hợp ở mức S1 với cây vải. Mức độ thích hợp này thuộc đơn vị đất đai số 27 phân bố tại khu vực Kim Sơn và Bình Dương, diện tích 46,96 ha (chiếm 0,17% diện tích điều tra).

Mức thích hợp trung bình (S2) có diện tích 615,74 ha (chiếm 2,25% diện tích điều tra) thuộc loại đất nâu vàng và đất xám trên phù sa cổ tập trung ở các đơn vị đất đai có mã số 9, 10, 16, 44 phân bố tại các địa phương là Bình Khê, Tràng Lương, An Sinh, Tràng An, Tân Việt và Đức Chính.

Mức độ thích hợp kém (S3) với diện tích 392,42 ha (chiếm 1,43% diện tích điều tra) thuộc loại đất vàng nhạt trên đá cát tại những khu vực có địa hình vùn cao, thành phần cơ giới thít nhẹ, độ dày tầng đất từ 70 - 100 cm. Diện tích này tập trung ở các đơn vị đất đai có mã số 15, 17, 19, 20, 22 tại khu vực các xã: Hồng Thái Đông, Hồng Thái Tây, Hoàng Quế, Yên Thọ, Tràng Lương, Bình Khê.

Diện tích không thích hợp (N) là 26.307,50 ha (chiếm 96,16% diện tích điều tra) đây là những khu vực đồi núi cao dốc không chủ động được nước.

Nghiên cứu

3.3. Đề xuất sử dụng đất để phát triển các sản phẩm vải chín sớm

Căn cứ vào kết quả rà soát hiện trạng; các phương án quy hoạch đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt như quy hoạch sử dụng đất, đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp, điều kiện khí hậu và thích hợp đất đai đối với cây vải chín sớm định hướng sử dụng đất đến năm 2030 như sau:

Bảng 9. Đề xuất sử dụng đất để phát triển sản phẩm vải chín sớm

DVT: ha

TT	Đơn vị hành chính	Hiện trạng năm 2018	Đề xuất đến năm 2030	Tăng (+); giảm (-)
1	Tràng An	4,5	31	26,5
2	Bình Khê	35,7	125	89,3
3	Tràng Lương	21,2	75	53,8
4	Bình Dương	2,2	35	32,8
5	Thùy An	3,5	25	21,5
6	Yên Thọ	1,5	35	33,5
7	Yên Đức	1,7	30	28,3
8	Hồng Thái Tây	3,8	35	31,2
9	Địa phương khác	0	33,4	33,4
Tổng số		74,10	424,4	350,3

Nguồn: Tổng hợp, xử lý số liệu (2018)

Do hiệu quả sản phẩm vải chín sớm mang lại, cũng như tiềm năng và những lợi thế mà thị xã Đông Triều đang có. Vì vậy, đề xuất đến năm 2030 diện tích vải chín sớm dự kiến tăng thêm 350,3 ha tập trung chủ yếu tại 08 xã đã nghiên cứu.

3.4. Một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả nhân rộng sản phẩm vải chín sớm tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh

Giải pháp về quy hoạch: Trước mắt cần tổ chức thực hiện vùng sản xuất vải chín sớm tập trung ở các xã, phường thuộc khu vực vùng núi như Bình Khê, Tràng Lương, An Sinh,... Xây dựng vùng vải chín sớm tập trung, năng suất cao làm nơi trình diễn và tham quan học tập cho các hộ nông dân trước khi nhân rộng ra các khu vực khác.

Giải pháp về tuyên truyền: Tổ chức các lớp tập huấn kỹ thuật trồng, chăm sóc, bảo quản vải chín sớm cho người dân để nâng cao năng suất, hiệu quả kinh tế

trong việc trồng vải chín sớm. Bồi dưỡng, đào tạo một số chủ trang trại, gia trại có diện tích vườn rộng, có khả năng kinh tế đầu tư, ứng dụng khoa học kỹ thuật vào việc trồng và chăm sóc sản phẩm vải chín sớm thâm canh, cho năng suất cao, có khả năng trình độ truyền đạt kinh nghiệm sản xuất cho các hộ dân trong vùng.

Mở rộng phát triển theo mô hình trang trại, các trang trại phải liên kết chặt chẽ, hỗ trợ nhau trong sản xuất cũng như trong tiêu thụ sản phẩm.

Đầu tư xây dựng hệ thống hạ tầng cho phát triển vùng vải, đặc biệt là hệ thống thủy lợi, giao thông.

4. Kết luận

Vải chín sớm có nguồn gốc từ xã Bình Khê đến nay đã có khoảng 74,1 ha được đánh giá là nơi có tiềm năng lớn về thổ nhưỡng, địa hình, khí hậu để có thể phát triển sản phẩm này.

Nghiên cứu đã điều tra trong phạm vi 8 xã (Tràng An, Bình Khê, Tràng Lương,

Bình Dương, Thủy An, Yên Thọ, Yên Đức, Hồng Thái Tây) là khu vực trồng vải chín sớm điển hình của thị xã Đông Triều để từ đó đánh giá hiệu quả sử dụng đất trong quá trình canh tác. Với việc lựa chọn 6 yếu tố đơn tính (loại đất, địa hình, thành phần cơ giới, độ dày tầng đất, chế độ tưới, chế độ tiêu) cùng với yêu cầu sinh trưởng của sản phẩm vải chín sớm kết quả đã xác định được 45 đơn vị đất đai và hạng thích hợp ở 3 mức S1 (46,96 ha), S2 (615,74 ha), S3 (392,42 ha) trên toàn thị xã Đông Triều.

Trên cơ sở phân tích các quan điểm phát triển, tiềm năng đất đai kết quả đã đề xuất diện tích trồng vải chín sớm đến năm 2030 là 424,4 ha làm cơ sở phục vụ cho quy hoạch mở rộng khu vực trồng vải chín sớm trên địa bàn thị xã Đông Triều, cùng với 4 giải pháp (giải pháp về quy hoạch, giải pháp về tuyên truyền, giải pháp về kỹ thuật, giải pháp về thị trường tiêu thụ) nhằm nâng cao hiệu quả nhân rộng phát triển sản phẩm vải chín sớm tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (2011). *Quy trình đánh giá sản xuất nông nghiệp phục vụ quy hoạch sử dụng đất cấp huyện*. TCVN 8409:2011. Hà Nội.
- [2]. Nguyễn Ngọc Hồng, Trần Xuân Biên (2018). *Định hướng sử dụng đất sản xuất nông nghiệp hàng hóa tập trung tại thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh*. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn số 9, tr. 11 - 17.
- [3]. FAO (1976). *Khung đánh giá đất*. Rome, Italy.
- [4]. Trần Thế Tục (2004). *100 câu hỏi về Vải*. NXB Nông nghiệp, Hà Nội.
- [5]. Ủy ban Nhân dân thị xã Đông Triều (2013). *Đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp thị xã Đông Triều đến năm 2020*.
- [6]. Ủy ban Nhân dân thị xã Đông Triều (2018). *Báo cáo số liệu thống kê đất đai các năm 2015, 2018*.

BBT nhận bài: 11/6/2019; Phản biện
xong: 08/7/2019